ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ GIAO THỦY**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 940 /QĐ-UBND	*Giao Thủy, ngày 20 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai số liệu bảng phân bổ dự toán năm 2026 trình hội đồng nhân dân xã Giao Thủy – Tỉnh Ninh Bình

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ GIAO THỦY

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 06 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 4 Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 1789/QĐ-UBND ngày 10/12/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2026;

Xét đề nghị của phòng Kinh tế xã Giao Thủy.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều1. Công khai số liệu bảng phân bổ dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 trình Hội đồng nhân dân xã Giao Thủy – tỉnh Ninh Bình.

(Theo các biểu mẫu đính kèm)

Điều 2: Hình thức công khai: Thực hiện đăng tải trên trang thông tin điện tử của xã Giao Thủy, tại trung tâm phục vụ hành chính công và công bố trên hệ thống đài truyền thanh xã Giao Thủy.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Văn phòng HĐND&UBND, Phòng Kinh tế, Trung tâm phục vụ hành chính công, Trung tâm văn hóa thông tin và thể thao chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND tỉnh Ninh Bình
- Sở Tài chính tỉnh Ninh Bình
- TT Đảng ủy, TT HĐND, UBND xã;

(để (BC))

- Như Điều 3;
- Lưu VP./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Hoài Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ GIAO THUỶ

Mẫu biểu số 01

BIỂU CÂN ĐỐI TỔNG HỢP DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

Nội dung thu	Dự toán (NSX)	Nội dung chi	Dự toán (NSX)
Tổng số thu	**268.270**	**Tổng số chi**	**268.270**
I. Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp	**80.289**	**I. Chi cân đối ngân sách xã**	**265.270**
1. Thu từ thuế, phí và các khoản khác	61.759	1. Chi đầu tư XDCB tập trung	11.640
2. Thu tiền sử dụng đất	18.530	2. Chi đầu tư XDCB từ nguồn thu tiền sử dụng đất thực hiện phân chia các cấp ngân sách	18.530
II. Thu bổ sung từ ngân sách tỉnh cho ngân sách xã	**187.981**	3. Chi thường xuyên	229.660
1. Bổ sung cân đối	184.981	**4. Dự phòng**	**5.440**
2. Bổ sung có mục tiêu	3.000	**II. Chi bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ từ ngân sách tỉnh**	**3.000**

Giao Thủy, ngày 20 tháng 12 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Hoài Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ GIAO THUỶ

Mẫu biểu số 02

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

,	CHỈ TIÊU	Dự toán tỉnh giao	Dự toán xã giao	Tỷ lệ %
A	**THU NGÂN SÁCH TRÊN ĐỊA BÀN**	**195.000**	**195.000**	100%
I	**Tổng thu nội địa không bao gồm tiền sử dụng đất**	**86.000**	**86.000**	100%
1	**Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước do địa phương quản lý**	**1.030**	**1.030**	100%
-	Thuế giá trị gia tăng	320	320	100%
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp	710	710	100%
2	**Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh**	**39.340**	**39.340**	100%
2.1	Thuế giá trị gia tăng từ DN. Tổ chức, cá nhân do Thuế cơ sở quản lý	31.000	31.000	100%
2.2	Thuế thu nhập doanh nghiệp từ DN, tổ chức do Thuế cơ sở quản lý	8.300	8.300	100%
2.3	Thuế tài nguyên, từ DN, tổ chức	40	40,0	100%
3	**Lệ phí trước bạ, trong đó:**	**18.000**	**18.000**	100%
4	**Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp**	**480**	**480**	100%
5	**Thu phí và lệ phí**	**1.050**	**1.050**	100%
5.1	Phí TW	400	400	100%
5.2	Phí địa phương, gồm	650	650	100%
a	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản từ tổ chức, doanh nghiệp nộp phí	300	300	100%
b	Phí, lệ phí cấp tỉnh, xã khác, gồm:	350	350	100%
-	*Phí, lệ phí do cơ quan cấp tỉnh quản lý*	*150*	*150*	100%
-	*Phí, lệ phí do cơ quan cấp xã quản lý*	*200*	*200*	100%
6	**Thuế thu nhập cá nhân**	**14.000**	**14.000**	100%
-	Thuế TNCN từ hoạt động SXKD của cá nhân	2.000	2.000	100%
-	Thuế TNCN từ chuyển nhượng BĐS	11.900	11.900	100%
-	Thuế TNCN khác	100	100	100%
7	**Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước hàng năm**	**3.000**	**3.000**	100%
8	**Thu hoa lợi công sản, quỹ đất công ích,... tại xã**	**800**	**800**	100%
9	**Thu khác ngân sách**	**8.300**	**8.300**	100%
-	Thu NSTW hưởng 100%	6.900	6.900	100%
-	Thu khác còn lại cấp tỉnh	500	500	100%
-	Thu khác còn lại cấp xã	900	900	100%
II	**Thu tiền sử dụng đất**	**109.000**	**109.000**	100%
B	**THU NSĐP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP**	**80.289**	**80.289**	100%
I	Thu từ thuế, phí và các khoản khác	61.759	61.759	100%

II	Thu tiền sử dụng đất	18.530	18.530	100%
C	**THU BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO NGÂN SÁCH XÃ**	**187.981**	**187.981**	100%
I	Bổ sung cân đối	184.981	184.981	100%
II	Bổ sung có mục tiêu	3.000	3.000	100%

Giao Thủy, ngày 20 tháng 12 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

Trần Hoài Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ GIAO THUỶ

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	DỰ TOẢN TỈNH GIAO	DỰ TOÁN XÃ GIAO 2026
A	B	1	2
	DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ	**268.270**	**268.270**
I	**Chi cân đối ngân sách xã**	**265.270**	**265.270**
1	***Chi đầu tư xây dựng cơ bản tập trung***	***11.640***	***11.640***
2	***Chi đầu tư XDCB từ nguồn thu tiền sử dụng đất thực hiện phân chia các cấp ngân sách***	***18.530***	***18.530***
3	***Chi thường xuyên***	***229.660***	***229.660***
3.1	Chi sự nghiệp kinh tế		*9.404*
3.2	Chi sự nghiệp khoa học	700	700
3.3	Chi sự nghiệp môi trường		5.898
3.4	Chi sự nghiệp giáo dục	127.576	127.576
3.5	Chi sự nghiệp đào tạo	1.040	1.040
3.6	Chi sự nghiệp y tế + Dân số		7.280
3.7	Chi sự nghiệp văn hoá, thông tin		2.215
3.8	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình		2.146
3.9	Chi sự nghiệp thể dục, thể thao		613
3.10	Chi đảm bảo xã hội		37.687
3.11	Chi an ninh trật tự đảm bảo xã hội		2.208
3.12	Chi quốc phòng địa phương		1.377
3.13	Chi quản lý hành chính		30.373
3.14	Chi khác ngân sách		1.143
4	***Chi dự phòng ngân sách***	***5.440***	***5.440***
II	**Chi bổ sung có mục tiêu vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, chính sách, chương trình, mục tiêu, nhiệm vụ từ ngân sách tỉnh**	**3.000**	**3.000**
1	Kinh phí hỗ trợ chuyển đổi số (SN khoa học)	2.000	2.000
2	Kinh phí hỗ trợ chỉnh lý hồ sơ (QLHC)	1.000	1.000

Giao Thủy, ngày 20 tháng 12 năm 2025

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Trần Hoài Thanh

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ GIAO THUỶ

Mẫu biểu số 06

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO CÁC ĐƠN VỊ DỰ TOÁN THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi cân đối ngân sách địa phương													Ghi chú
			Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi sự nghiệp môi trường	Chi đảm bảo xã hội	Chi quản lý hành chính	Chi an ninh	Chi Quốc phòng	Chi sự nghiệp kinh tế	Chi sự nghiệp Khoa học, ĐMST và chuyển đổi số	Chi sự nghiệp y tế	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	Chi sự nghiệp Văn hóa thông tin	Chi sự nghiệp phát thanh	Chi khác	
	Tổng cộng	**229.660**	**128.616**	**5.898**	**37.687**	**30.373**	**2.208**	**1.377**	**9.404**	**700**	**7.280**	**613**	**2.215**	**2.146**	**1.143**	
1	Văn phòng Đảng ủy	9.824				9.824										
2	Mặt trận tổ quốc	5.271				5.053										
3	Văn phòng HĐND và UBND	13.515	245			10.230	1.663	1.377					218			
4	Phòng Kinh tế	17.716		5.898		2.414			9.404							
5	Phòng Văn hóa- XH	40.182	20		37.687	1.775				700						
6	Trung tâm Chính trị	795	795													
7	Trung tâm Văn hoá TT- Thể thao	2.940										370	1.240	1.330		
8	Trạm y tế	5.839									5.839					
9	Công an xã	545					545									
10	Mầm non Bình Hoà	5.559	5.559													
11	Mầm non Ngô Đồng	6.607	6.607													
12	Mầm non Hoành Sơn	6.074	6.074													
13	Mầm non Giao Tiến	11.248	11.248													
14	Tiểu học Bình Hoà	8.073	8.073													
15	Tiểu học Ngô Đồng	8.865	8.865													
16	Tiểu học Hoành Sơn	8.546	8.546													
17	Tiểu học Giao Tiến	13.858	13.858													
18	THCS Bình Hoà	7.017	7.017													
19	THCS Ngô Đồng	5.669	5.669													
20	THCS Hoành Sơn	8.004	8.004													
21	THCS Giao Tiến	14.742	14.742													
22	THCS Giao Thuỷ	10.456	10.456													